

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HS-PT

Ngày: 16 - 4 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2019/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắk Lắk; đăng ký thường trú: Thôn x, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: ấp T, xã TP, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Lê Thị Đ; chồng: Phạm Tý Th (đã ly hôn); hiện đang sống chung như vợ chồng với Phạm Tuấn Kh; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về “Tội trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự phúc thẩm số 222/2014/HSPT ngày 08/4/2014; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh T là nhân viên quán cà phê K tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Văn Thị Hồng Th làm chủ quán. Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 25/7/2019 khi T đang ở quán thì nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. T lên gác của quán lấy trộm số tiền 11.940.000 đồng và 01 chiếc lắc vàng 16K của anh Trần

Ngọc Hoài B là con của bà Th. T giấu tài sản trộm được trong người và rời khỏi quán. Sau khi phát hiện mất tài sản B trình báo Công an. Đến 23 giờ 20 phút cùng ngày, T đến Công an xã TP, huyện C, tỉnh Bến Tre đầu thú giao nộp số tiền lấy trộm. Ngày 26/7/2019, T trả lại chiếc lắc vàng 16K cho bà Th.

Vật chứng thu giữ: số tiền 11.940.000 đồng và 01 (một) chiếc lắc bằng hợp kim vàng 16K, kiểu móc xích, khối lượng 5,2940g.

Theo Thông báo kết quả giám định ngày 29/8/2019 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 kết luận chiếc lắc bằng hợp kim vàng 16K, khối lượng 5,2940g.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 1206 ngày 19/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, tỉnh Bến Tre kết luận chiếc lắc vàng 16K, kiểu móc xích, khối lượng 5,2940g, trị giá 3.932.996 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Bến Tre đã trả số tiền 11.940.000 đồng và 01 chiếc lắc vàng 16K, kiểu móc xích, khối lượng 5,2940g cho Trần Ngọc Hoài B.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm; ngày 27/11/2019 bị cáo Nguyễn Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cho bị cáo hưởng án treo, với lý do: hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện phải nuôi con sinh năm 2014, yêu cầu hưởng án treo để có điều kiện nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm; mặc dù bị cáo Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét thấy bị cáo là lao động chính phải nuôi con nhỏ, bị cáo biết được việc làm sai trái của mình nên đầu thú và trả lại tài sản, điều này chứng tỏ bị cáo thật sự ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, mà chỉ cần áp dụng hình phạt khác nhẹ hơn tạo điều kiện cho bị cáo chăm

sóc gia đình trở thành công dân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 09 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; mặc dù bị cáo đã được Tòa án niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị cáo; tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: “Bị cáo có kháng cáo hoặc bị kháng cáo, bị kháng nghị nếu vắng mặt vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Hội đồng xét xử có thể vẫn tiến hành xét xử nhưng không được ra bản án, quyết định không có lợi cho bị cáo. Nếu sự vắng mặt của bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan và sự vắng mặt đó không gây trở ngại cho việc xét xử thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử”, xét thấy trong vụ án hình sự phúc thẩm này chỉ có bị cáo kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo, việc kháng cáo của bị cáo không liên quan đến người khác và các nội dung khác của vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện: vào khoảng 20 giờ ngày 25/7/2019, tại ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có hành vi lấy trộm của anh Trần Ngọc Hoài B số tiền 11.940.000 đồng và 01 chiếc lắc kiềng móc xích, bằng vàng 16K, khối lượng 5,2940g, trị giá 3.932.996 đồng; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.872.996 đồng. Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội đã đầu thú và hiện đang nuôi con nhỏ chưa thành niên; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đã xử phạt bị cáo 09 tháng tù. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: mặc dù bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đã nêu ở phần trên; tại đơn kháng cáo bị cáo trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn với chồng, hiện trực tiếp nuôi con sinh năm 2014 mà không có sự cấp dưỡng nuôi con của người cha, bị cáo yêu cầu được hưởng án treo để có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên; xét thấy bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, đã cố ý thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 15.872.996 đồng mà gia đình bị hại chính là nơi bị cáo làm thuê, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân không tốt, năm 2014 đã bị kết án 05 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về “Tội trộm cắp tài sản” nhưng không chịu tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật và khó cải tạo giáo dục. Mặc khác; trong quá trình điều tra, truy tố, các Cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm đã ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo; sau khi xét xử sơ thẩm thì Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo; sau khi thụ lý vụ án hình sự phúc thẩm thì Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo nhưng bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ đi đâu, Tòa án cấp phúc thẩm đã phải niêm yết Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, việc bị cáo bỏ đi khỏi địa phương không rõ đi đâu đã thể hiện bị cáo bỏ trốn và không có nơi cư trú rõ ràng nên không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại khoản 4 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo và không cho hưởng án treo là phù hợp. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt cho bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Việc không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không gây bất lợi

cho bị cáo, không trái với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

[4] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 75/2019/HS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 09 (chín) tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

[2] Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Châu Thành (3b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã P, huyện K, tỉnh Đắc Lắc (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông